

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG LÁT
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày 28-7-2022

V/v: Tranh chấp Ly hôn và
nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG LÁT, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Văn Cường
2. Bà Phan Thị Mấy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa: Ông Phạm Viết Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 06/2022/TLST-HNGĐ ngày 18/5/2022 về việc: Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/7/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Thao Thị S** sinh năm 1988

Trú tại: Bản Chim, xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Bị đơn: Anh **Sung Văn D**, sinh năm 1984

Trú tại: Bản Chim, xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2022; Bản tự khai; Biên bản hòa giải và quá trình giải quyết, xét xử, chị Thao Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Sung Văn D đã tự do tìm hiểu, yêu đương, không ai ép buộc ai, không bị ai ép buộc, hai người tự nguyện đến với nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới phong tục tập quán của người H'mông vào năm 2008; Đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/2014 tại UBND xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại bản Chim, xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát. Tuy nhiên, đến năm 2012 thì vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, anh D không có trách nhiệm với gia đình, lại hay uống rượu, tụ tập bạn bè, dọa nạt đánh vợ, con, quan điểm sống vợ chồng khác nhau, dẫn đến không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân và trong cuộc sống. Từ khi xảy

ra mâu thuẫn, đã được gia đình hai bên nội, ngoại, chính quyền địa phương nhiều lần tổ chức dàn xếp, hòa giải, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được, anh D đã nhiều lần cam kết sẽ thay đổi nhưng đã không thay đổi được, vẫn chứng nào, tật nấy. Chị và anh D đã sống ly thân và hiện tại chị không có thai nghén. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, cùng nhau nuôi dạy con cái đã không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, để chị lo toan cuộc sống, nuôi dạy con cái.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh D có 02 con chung, tên các cháu là: Sung Văn X, sinh ngày 17/4/2004 nay cháu đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) và cháu Sung Văn C, sinh ngày 29/8/2007, hiện cháu Câu đang ở với chị. Nguyên vọng của chị muốn được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Sung Văn C, cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị yêu cầu anh Sung Văn D cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Sung Văn C là 500.000đ/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Hình thức cấp dưỡng: Hàng tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản tự khai ngày 20/5/2022; Bản tự khai, Biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn Sung Văn D trình bày:

Về Hôn nhân: Anh đồng ý với lời trình bày của Nguyên đơn. Nhưng anh cho rằng, vợ chồng không có mâu thuẫn, đôi lúc cãi nhau, xong là thôi, anh không đánh vợ. Đến tháng 12/2021 khi vợ đi bán hàng mỹ phẩm xa nhà anh có khuyên vợ là không nên đi bán hàng vào buổi tối, và vợ chồng có cãi nhau, anh nói là nếu thích đi thì đi và nghỉ ngơi vợ ngoại tình. Đến đầu năm 2022 anh không cho chị đi bán hàng nữa, nhưng chị vẫn cố tình đi và anh phát hiện chị tâm sự với người đàn ông khác qua điện thoại di động, anh giăng điện thoại với vợ và vợ tự ái bỏ về nhà mẹ đẻ của chị sinh sống, từ đó vợ chồng sống ly thân, nhưng anh vẫn thường xuyên sang thăm vợ và con. Nay, chị S làm đơn xin ly hôn, thì anh không muốn ly hôn, vì anh thấy đang còn tình cảm với vợ, mong chị Sông nghĩ lại, quay về đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Chị S trình bày là đúng, vợ chồng có 02 con chung, cháu Sung Văn X đã trưởng thành, cháu Sung Văn C đang ở với chị S. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng muốn được nuôi cháu Sung Văn C cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản nguyện vọng ngày 05/7/2022 của cháu Sung Văn C và tại phiên tòa: Cháu Sung Văn C trình bày hiện nay cháu đang ở với mẹ, chuẩn bị lên lớp 10, nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì bố sẽ không

nuôi được cháu, bố hay uống rượu và hay đánh mẹ, nên cháu không muốn ở với bố.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, xét thấy: Vợ chồng chị Thao Thị S và anh Sung Văn D kết hôn theo đúng quy định, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến đầu năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, từ đó vợ chồng đã sống ly thân; nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, nên không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, anh chị đã sống ly thân; hiện tại chị Sông thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên mong muốn được ly hôn; Anh Sung Văn D thì cho rằng anh đang còn yêu thương vợ, nên không muốn ly hôn, anh cũng thừa nhận có uống rượu, vợ chồng có cãi nhau, có mâu thuẫn nhỏ, nguyên nhân là do vợ ngoại tình, nhưng anh không chứng minh được việc ngoại tình của chị.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Thao Thị S và anh Sung Văn D có 02 con chung, tên các cháu là cháu Sung Văn X, sinh ngày 17/4/2004 (nay cháu đã đủ 18 tuổi) và cháu Sung Văn C, sinh ngày 29/8/2007, hiện cháu đang ở với mẹ. Xét thấy, hiện nay anh chị đều làm nghề nông nghiệp, thu nhập ngang nhau, cùng sinh sống ở bản Chim, xã Nhi Sơn. Chị Sông có nguyện vọng được nuôi cháu C và anh D cũng có nguyện vọng muốn được nuôi cháu C, nhưng cháu Sung Văn C lại có nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Đại diện Viện kiểm sát thấy rằng, về điều kiện sống, thu nhập, nguyện vọng của con và tình cảm của bố mẹ dành cho con thì nên giao cháu Sung Văn C cho chị S là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng; Chị S yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn là hợp lý, để bố và mẹ đều có trách nhiệm với con.

Từ những phân tích trên, áp dụng:

Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 208, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 147, Điều 148, Điều 278, Điều 282 và Điều 372 Bộ luật Dân sự;

Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 68, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 88, Điều 107, Điều 110, Điều 115, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Thao Thị S:

Về Hôn nhân: Xử cho chị Thao Thị S ly hôn với anh Sung Văn D.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Sung Văn C, sinh ngày 29/8/2007 cho chị Thao Thị S là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; Anh Sung Văn D có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở. Anh Sung Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000đ cho đến khi cháu Sung Văn C đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật..

Kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình thì Tòa án nhân dân huyện Mường Lát thuộc thẩm quyền giải quyết. Bởi vì, anh Sung Văn D đang có hộ khẩu thường trú tại: Bản Chim, xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập, để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là “Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, thì chị Thao Thị S là nguyên đơn; anh Sung Văn D là bị đơn.

[3] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự luôn chấp hành theo sự triệu tập của Tòa án và thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của mình cũng như các quy định khác của pháp luật quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trình bày của các đương sự, biên bản xác định mâu thuẫn, biên bản hòa giải và tại phiên tòa thì: Chị Thao Thị S và anh Sung Văn D tự do tìm hiểu, yêu đương, không bị ai ép buộc, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của người H'Mông vào năm 2008. Anh chị đã đăng ký kết hôn ngày 26/12/2014 tại UBND xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian dài, đến đầu năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được, anh D hay rượu chè, không tu chí làm ăn, đời sống chung không thể kéo dài và anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay, hiện tại mỗi người

một nơi, tình cảm vợ chồng không còn. Việc này đã được chính quyền địa phương xác nhận tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay, chị Thao Thị S một mực yêu cầu xin ly hôn, anh Sung Văn D cho rằng vẫn còn tình cảm và không muốn ly hôn, nhưng anh không thay đổi được tính tình, vẫn thường xuyên say rượu, đánh đập vợ, con, không làm cho chị S yên tâm, tin tưởng. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, trong hôn nhân có bạo lực gia đình, có say rượu, dẫn đến đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Thao Thị S được ly hôn anh Sung Văn D.

[5] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Thao Thị S và anh Sung Văn D có 02 con chung tên các cháu là Sung Văn X (đã đủ 18 tuổi), và cháu Sung Văn C, sinh ngày 29/8/2007, cháu C phát triển bình thường về thể chất, trí lực và đang ở với mẹ; tại bản ghi nguyện vọng và tại phiên tòa, cháu Sung Văn C cũng muốn được ở với mẹ, chị Thao Thị S cũng có nguyện vọng muốn được nuôi dưỡng cháu, anh Sung Văn D cũng có nguyện vọng được nuôi cháu con. Xét thấy, chị S và anh D đều làm nghề nông nghiệp, mức sống, thu nhập ngang nhau, anh chị không ai bị cấm hoặc hạn chế quyền nuôi con. Nhưng xét thấy điều kiện chăm sóc của chị Sông sẽ tốt hơn anh D, vì anh D hay đánh vợ, con, uống rượu sẽ không làm chủ được hành vi, nên HĐXX sẽ giao cháu Sung Văn C cho chị Sông là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của cháu C và đề nghị của đại diện VKS; Anh Sung Văn D có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị S là người trực tiếp nuôi con chung, để anh D có trách nhiệm với con chung về vật chất và tinh thần, HĐXX chấp nhận đề nghị của chị S về yêu cầu cấp dưỡng. Buộc anh Sung Văn D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Sông mỗi tháng là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng); Hình thức cấp dưỡng: Hàng tháng.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Thao Thị S và anh Sung Văn D không yêu cầu, HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Thao Thị S và anh Sung Văn D là người dân tộc H'Mông (người dân tộc thiểu số) sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội, HĐXX miễn án phí HNGĐ sơ thẩm cho chị S và anh D.

[8] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị Thao Thị S và anh Sung Văn D có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

[9] Nhận định khác: Chị Thao Thị S và anh Sung Văn D khai nhận, cháu là Sung Văn X, sinh ngày 17/4/2004 là con chung của anh chị, tính đến ngày xét xử (28/7/2022) cháu đã 18 tuổi 03 tháng 11 ngày. Như vậy, anh Sung Văn D đã có hành vi giao cấu với chị Thao Thị S khi chị từ đủ 13 đến 16 tuổi dẫn đến chị S có thai “làm nạn nhân có thai” (chị Thao Thị S sinh cháu Sung Văn X khi mới

15 tuổi 09 tháng 21 ngày), anh Sung Văn D đã vi phạm Điều 145 BLHS “Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”; khung hình phạt từ 03 đến 10 năm tù, đây là loại tội phạm rất nghiêm trọng; Nhưng nay mới phát hiện ra hành vi, vi phạm trước đây của anh Sung Văn D, xét về thời hiệu xử lý hình sự theo Điều 27 BLHS thì đến nay đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, nên không thể xử lý hình sự đối với anh Sung Văn D.

[10] Kiến nghị: Trong thời gian tới, đề nghị các cơ quan chuyên môn ở địa phương, các cơ quan tố tụng, cần rà soát, nắm bắt thông tin để có biện pháp ngăn ngừa, xử lý đối với những người vi phạm trong lĩnh vực Hôn nhân và Gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 208, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 147, Điều 148, Điều 278, Điều 282 và Điều 372 Bộ luật Dân sự;

Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 68, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 88, Điều 107, Điều 110, Điều 115, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Thao Thị S.

1.1. Về Hôn nhân: Cho Thao Thị S ly hôn với anh Sung Văn D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 07/2014 ngày 26/12/2014 của UBND xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa cấp cho chị Thao Thị S và anh Sung Văn D không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Sung Văn C, sinh ngày 29/8/2007 cho chị Thao Thị S là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giám hộ cho đến khi cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi), anh Sung Văn D có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản, cản trở;

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Sung Văn D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S mỗi tháng 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu Sung Văn C đủ 18 tuổi. Hình thức cấp dưỡng: Hàng tháng; Thời gian cấp dưỡng: Từ tháng 8 năm 2022.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, anh Sung Văn D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung khi có căn cứ của pháp luật. Chị Thao Thị S và anh Sung Văn D có quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

1.4. Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, không xét.

2. Về án phí: Miễn án phí HNGĐ sơ thẩm cho chị Thao Thị S và anh Sung Văn D.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Án xử công khai, có mặt Nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án căn cứ Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV - TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng 0 – VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Mường Lát;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Mường Lát;
- UBND xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát;
- Nguyên đơn Thao Thị Sông;
- Bị đơn Sung Văn D;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tiến Dũng

